

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/DS-ST

Ngày: 27-3-2024

V/v “tranh chấp dân sự về hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy An

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Hải;
- Ông Nguyễn Hồng Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Cao Cường – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tuyết Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp G, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Tạm trú: Khu phố D, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Anh Võ Đức H, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Tạm trú: Khu phố A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị **Lê Thị Mỹ C**, sinh năm 1990. Địa chỉ: **Khu phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh**. Tạm trú: **Khu phố A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh**.

Anh **P** có đơn xin vắng mặt; anh **H** và chị **C** vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/10/2023 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn anh **Nguyễn Thanh P** trình bày:

Anh làm nghề bán xăng ở **Khu phố D, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh**. Anh **H** trước đây làm tài xế cho **doanh nghiệp T**, doanh nghiệp này hay cho xe đổ tại cây xăng của anh nên hai bên quen biết với nhau.

Vào năm 2020 thì anh **H** hỏi mượn tiền của anh nhiều lần, lần 10.000.000 đồng, lần 50.000.000 đồng,...Lúc đầu anh **H** trực tiếp mượn sau đó anh **H** có đi cùng chị **Lê Thị Mỹ C** (là vợ anh **H**) đến hỏi vay tiền của anh; cũng có khi anh **H** gọi điện thoại, rồi cho anh **G** (bạn của anh **H** đến lấy tiền, vì anh **G** hay đi cùng anh **H** nên anh biết anh **G** nhưng không biết họ tên và địa chỉ cụ thể); Sau đó vợ chồng anh **H** cũng có trả được 1 phần gốc và lãi, cụ thể là trả 2 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng và 1 lần 6.000.000 đồng, thời gian đã lâu nên anh không nhớ cụ thể ngày tháng trả nhưng cũng đã trừ vào số tiền còn thiếu trước đó. Sau đó anh **H** nói là cần tiền để sửa căn nhà tình thương của ba anh **H** (vợ chồng anh **H** đang sống chung) nên hỏi mượn tiền của anh khoảng 3 lần, 2 lần mượn 50.000.000 đồng, 1 lần mượn 30.000.000 đồng. Anh **H** nói đang kêu bán căn nhà ở **khu phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh** nhưng chưa làm thủ tục xong vì đang phải đính chính họ của anh trong giấy tờ gì đó, khi nào bán được thì anh sẽ trả hết nợ cho anh nên anh đồng ý cho mượn. Những lần cho mượn đều không làm giấy tờ, do tin tưởng nhau, đến ngày 25/12/2021 thì anh và anh **H** mới làm giấy chốt nợ “Giấy mượn tiền”, xác định anh **H** có mượn của anh số tiền là 200.000.000 đồng. Giấy mượn tiền do anh nhờ người quen viết nhưng ở mục “Tôi tên là” “Số CMND”, “chỗ ở hiện nay”, “Bên Cầu ngày”, “Người mượn tiền” là do anh **H** trực tiếp viết và ký tên. Phía sau Giấy mượn tiền có phần cam kết mỗi tháng trả 6.000.000 đồng cho anh vào ngày 25 tây hàng tháng là do anh **H** trực tiếp viết.

Khi chốt lại số nợ 200.000.000 đồng thì hai bên không có thỏa thuận lãi, anh cho anh **H** trả dần tiền trừ vào tiền gốc. Sau đó mỗi tháng anh **H** mang tiền trả trực tiếp cho anh, có vài lần anh **H** chuyển khoản (chuyển khoản từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng), cũng có khi con anh **H** mang đến, rồi anh ghi vào sổ theo dõi cá nhân của anh, sau đó anh **H** có ký tên xác nhận.

Từ ngày 25/12/2021 (DL) cho đến ngày 20/9/2023 thì anh **H** trả được 67.000.000 đồng, còn nợ lại 133.000.000 đồng thì ngưng không trả cho đến nay.

Việc vay mượn tiền của anh **H** thì chị **C** có biết và dùng vào mục đích chung của vợ chồng nên nay anh yêu cầu anh **H** và vợ là chị **C** cùng có nghĩa vụ trả số tiền còn thiếu là 133.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/12/2023 và quá trình làm việc bị đơn anh **Võ Đức H trình bày:**

Về mối quan hệ quen biết giữa anh và anh **P** đúng như anh **P** trình bày. Anh bắt đầu hỏi vay tiền của anh **P** vào năm 2020, lúc đầu anh trực tiếp hỏi mượn 3 lần là 30.000.000 đồng, lúc đó anh đi cùng vợ là chị **C** đến gặp anh **P**, sau này chị **C** và anh **P** biết nhau nên chị **C** trực tiếp liên hệ mượn và nói anh đến nhận tiền. Đến ngày 25/12/2021 khi anh đi lái xe về thì anh **P** làm sẵn giấy mượn tiền kêu anh ký, anh có xem là anh còn thiếu anh **P** số tiền 200.000.000 đồng, đúng là giấy mượn tiền mà anh **P** cung cấp, tuy nhiên trong số này có 140.000.000 đồng là tiền gốc, 60.000.000 đồng là tiền lãi. Anh có ghi cam kết là mỗi tháng trả anh **P** là 6.000.000 đồng cho đến khi hết nợ; anh nghĩ là để vợ chồng trả dần, khi nào đủ tiền gốc thì sẽ xin anh **P** bỏ tiền lãi, do đó khi làm giấy chốt nợ lại không để rõ tiền gốc, tiền lãi.

Khi làm giấy chốt nợ thì không có chị **C** nhưng nghĩ nợ chung vợ chồng, ai ký cũng được. Sau đó về anh có thông báo cho chị **C** biết và chị **C** cũng biết rõ số tiền này.

Sau đó mỗi tháng thì vợ chồng anh đều có trả tiền cho anh **P**, thời gian đầu trả mỗi tháng là 6.000.000 đồng như cam kết, sau đó ít lại vì hoàn cảnh khó khăn, trả mỗi lần dao động từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng. Vợ chồng anh thường gặp trực tiếp anh **P** trả, có khi nhờ con trai lên đưa tiền, hoặc chuyển khoản, rồi anh **P** ghi vào sổ cá nhân theo dõi của anh **P**, rồi anh xem và có ký tên xác nhận vào đó, đúng là giấy theo dõi mà anh **P** nộp cho Tòa án. Còn vợ chồng anh tin tưởng anh **P** nên khi trả không làm giấy gì, còn việc chuyển khoản thì thời gian đã lâu nên anh không cung cấp được bản sao kê chuyển khoản cho Tòa án được.

Ngoài 67.000.000 đồng mà vợ chồng anh đã trả cho anh **P** đến ngày 20/9/2023 như anh **P** trình bày thì anh còn trả được thêm 23.000.000 đồng (việc trả cũng không có giấy tờ), nên tổng số tiền vợ chồng anh đã trả cho anh **P** là 90.000.000 đồng.

Nay anh xác định là vợ chồng anh chỉ còn nợ anh **P** số tiền gốc là 50.000.000 đồng (140.000.000 gốc ban đầu-90.000.000 đồng đã trả) và đồng ý trả cho anh **P** 50.000.000 đồng.

Hiện anh và vợ là chị **C** vẫn đang sống với nhau bình thường, không có mâu thuẫn gì. Do chị **C** bận buôn bán nên không đến Tòa án làm việc được.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị Mỹ C: đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định; triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không có bằng khai, cũng không trình bày lời khai theo yêu cầu của Tòa án.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết, nguyên đơn là anh **P** chấp hành theo quy định và có đơn xin xét xử vắng mặt, anh **H** và chị **C** vắng mặt không lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt là đúng quy định tại khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466, 469, 288 của Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Nguyễn Thanh P** đối với anh **Võ Đức H**, chị **Lê Thị Mỹ C**. Buộc anh **H** và chị **C** cùng có nghĩa vụ trả cho anh **P** số tiền vay là 133.000.000 đồng; ghi nhận anh **P** không yêu cầu tính lãi.

Về án phí: Anh **H** và chị **C** phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh **P** khởi kiện yêu cầu anh **H** trả tiền nợ vay là tranh chấp về hợp đồng được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại **huyện B, tỉnh Tây Ninh** nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh theo khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là anh **P** có đơn xin xét xử vắng mặt; riêng anh **H** và chị **C** được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ khoản 1, 3

Điều 228; Điều 238 của Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh P thấy rằng:

Ngày 25/12/2021 anh Võ Đức H có làm giấy mượn tiền, xác nhận mượn anh Nguyễn Thanh P số tiền 200.000.000 đồng, mặt sau của giấy mượn tiền có ghi nội dung cam kết mỗi tháng anh H trả cho anh P số tiền 6.000.000 đồng vào ngày 25 tây hàng tháng. Sau đó anh H đã trả được 67.000.000 đồng còn nợ lại 133.000.000 đồng đến nay không thanh toán cho anh, do đó anh khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh H trả số tiền còn nợ. Qua làm việc bị đơn anh H thừa nhận Giấy mượn tiền ngày 25/12/2021 là của anh và nội dung cam kết phía sau giấy mượn tiền đúng là do anh viết, do đó lời thừa nhận của bị đơn là phù hợp với tài liệu, chứng cứ và lời khai của nguyên đơn cung cấp nên đây là sự kiện có thật không phải chứng minh được quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuy nhiên, anh H cho rằng trong số tiền 200.000.000 đồng thì có 140.000.000 đồng là tiền gốc, 60.000.000 đồng là tiền lãi anh P cộng dồn vào; đồng thời anh cho rằng đã trả cho anh P số tiền là 90.000.000, hiện chỉ nợ anh P số tiền 50.000.000 nhưng không có gì chứng minh cho lời trình bày của mình. Mặc khác quá trình làm việc anh xác nhận việc trả nợ do anh P theo dõi ghi vào sổ cá nhân của anh P và anh có ký xác nhận, anh thừa nhận nội dung giấy theo dõi việc trả nợ (có chữ ký của anh) mà anh P nộp là đúng, như vậy có cơ sở xác định anh H có vay của anh P số tiền là 200.000.000 đồng, đã trả được số tiền là 67.000.000 đồng, còn nợ lại là 133.000.000 đồng.

Quá trình làm việc chị Lê Thị Mỹ C là vợ anh H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến; anh Võ Đức H xác định đây là nợ chung của vợ chồng; đồng thời qua kết quả xác minh thì anh H và chị C là vợ chồng hợp pháp, vẫn đang sống chung nhà, không có mâu thuẫn gì, việc vay mượn sử dụng vào mục đích chung của vợ chồng.

Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh P, buộc anh Võ Đức H và chị Lê Thị Mỹ C cùng có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Thanh P số tiền gốc là 133.000.000 đồng. Ghi nhận anh P không yêu cầu chị C và anh H trả lãi.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Võ Đức H và chị Lê Thị Mỹ C phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 469, 288 của Bộ luật dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 92, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Nguyễn Thanh P** đối với anh **Võ Đức H** và chị **Lê Thị Mỹ C** về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc anh **Võ Đức H** và chị **Lê Thị Mỹ C** cùng có nghĩa vụ trả cho anh **Nguyễn Thanh P** số tiền gốc là 133.000.000 đồng. Ghi nhận anh **P** không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh **Nguyễn Thanh P**, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh **Võ Đức H** và chị **Lê Thị Mỹ C** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Anh **Võ Đức H** và chị **Lê Thị Mỹ C** phải chịu 6.650.000 (sáu triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho anh **Nguyễn Thanh P** số tiền tạm ứng án phí nộp là 3.325.000 (ba triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0023196 ngày 16/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Anh **Nguyễn Thanh P**, anh **Võ Đức H** và chị **Lê Thị Mỹ C** có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp pháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- Lưu tập án.

Phạm Thị Thúy An